

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 9 – 2025

*V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Điệp

Bà Trần Thúy Kiều

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Khánh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tăng Thị D, sinh ngày 18/12/1995; Địa chỉ: Số nhà 300, ấp S, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ hiện nay: Số nhà 300, ấp S, xã L, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt - do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm T, sinh ngày 01/01/1992; Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ hiện nay: Ấp G, xã L, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2025, biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 8 năm 2025 và đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử ngày 29 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn bà Tăng Thị D trình bày:

Bà và ông Lâm T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại ấp S, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của ông bà hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Ông bà không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2023 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 02

(hai) người con chung tên Lâm Trí P, sinh ngày 13/10/2016 và Lâm Chí T, sinh ngày 30/8/2020. Các con chung hiện nay đang sống chung với bà. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử, bà Tăng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm T.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lâm Trí P và Lâm Chí T cho đến khi thành niên và không yêu cầu ông Lâm T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lâm T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2025, nguyên đơn bà Tăng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với ông Lâm T. Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Lâm T cư trú tại ấp G, xã L, Thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Nguyên đơn bà Tăng Thị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lâm T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Tăng Thị D, ông Lâm T và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị D:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị D và ông Lâm T tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/02/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Tăng Thị D và ông Lâm T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Tăng Thị D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Tăng Thị D cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2023, ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Ông bà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và hiện nay ông bà đã không còn chung sống cùng nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ đã thông báo họp lệ cho ông Lâm T biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Tăng Thị D cung cấp. Ông Lâm T không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Lâm T không đến tham gia và bà Tăng Thị D vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Tăng Thị D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Tăng Thị D được ly hôn với ông Lâm T.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Tăng Thị D và ông Lâm T sinh được 02 (hai) người con chung tên Lâm Trí P (nam, sinh ngày 13/10/2016) và Lâm Chí T, (nam, sinh ngày 30/8/2020). Bà Tăng Thị D yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Trí P và Lâm Chí T cho đến khi các cháu thành niên. Xét thấy, cháu Lâm Trí P có nguyện vọng được sống chung với mẹ (*biên bản lấy ý kiến ngày 11/6/2025*). Mặt khác hiện nay cháu Lâm Trí P và Lâm Chí T đang sống chung với bà Tăng Thị D. Các cháu được chăm sóc tốt, phát triển khỏe mạnh bình thường. Nhằm đảm bảo cuộc sống cho cháu Lâm Trí P và Lâm Chí T ổn định về mọi mặt, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống. Việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển của cháu. Bên cạnh đó, ông Lâm T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của

bà Tăng Thị D. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho bà Tăng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Trí P và Lâm Chí T cho đến khi cháu Lâm Trí P và Lâm Chí T thành niên (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tăng Thị D khẳng định có khả năng, điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Trí P, Lâm Chí T và không yêu cầu ông Lâm T cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Lâm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Tăng Thị D xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà Tăng Thị D xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Tăng Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Lâm T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị D và ông Lâm T được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tăng Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lâm Trí P (nam, sinh ngày 13/10/2016) và Lâm Chí T, (nam, sinh ngày 30/8/2020) cho đến khi cháu Lâm Trí P và Lâm Chí T thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Lâm T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Ông Lâm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Lâm Trí P và Lâm Chí T mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Tăng Thị D xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Tăng Thị D xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000914 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Cần Thơ). Bà Tăng Thị D đã nộp xong án phí. Ông Lâm T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Tăng Thị D và ông Lâm T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự
Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Lịch Hội Thượng,
Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng